

Số: 14/NQ-HĐND

Tri Tôn, ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn là 64.392 triệu đồng.

- Ngân sách trung ương: 58.538 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 5.854 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

(Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh điều chỉnh, thay đổi danh mục công trình năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời báo cáo Thường

trực Hội đồng nhân dân huyện và trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định ở kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn khóa XII, kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh,
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư;
- Sở Tài chính; Sở Lao động-TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. D

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Phương Lan



PHỤ LỤC
DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Đính kèm Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - Xã hội								
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - Xã hội				64.392	58.538	5.854		
1	Bê tông xi măng đường giao thông ấp Vĩnh Hòa - Lạc Quới	Lạc Quới	2.300	2022-2024	4.500	4.091	409	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
2	Bê tông xi măng đường nội bộ nối Quốc lộ N1 đến Trạm Y tế cũ và đường nội bộ cấp Kênh Vĩnh Tế xã Lạc Quới	Lạc Quới	920	2022-2024	2.178	1.980	198	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
3	Bê tông xi măng đường giao thông ấp Vĩnh An - Vĩnh Phước	Vĩnh Phước	4.400	2022-2024	9.405	8.550	855	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
4	Bê tông xi măng đường giao thông ấp An Thành, An Nhơn - Lương Phi	Lương Phi	4.000	2022-2024	7.128	6.480	648	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
5	Bê tông xi măng đường giao thông ấp An Lương - Lương Phi	Lương Phi	1.200	2022-2024	2.104	1.913	191	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
6	Bê tông xi măng đường vào Công viên Soài Chék	Núi Tô	210	2022-2024	1.188	1.080	108	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
7	Bê tông xi măng đường vào Khu thể thao Du lịch Soài Chék	Núi Tô	210	2022-2024	1.188	1.080	108	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Trong đó:				
					Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12
8	Mở rộng đường giao thông (đoạn tiếp giáp đường nhựa xã An Tức đến xã Núi Tô	Núi Tô	2.700	2022-2024	5.010	4.555	455	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
9	Mở rộng đường bê tông xi măng từ Lữ Đoàn đến hồ Soài Chék	Núi Tô	1900	2022-2024	990	900	90	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
10	Bê tông xi măng lộ nông thôn Tám ngàn (đoạn từ cầu Cây Me đến VP. Ban áp Cây Me	Châu Lãng	350	2022-2024	891	810	81	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
11	Nâng cấp bê tông liên xã cấp kênh Tám ngàn áp An Lộc - Châu Lãng	Châu Lãng	2.000	2022-2024	3.663	3.330	333	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
12	Bê tông xi măng đường từ VP áp Cây Me - Châu Lãng đến cầu Tha La	Châu Lãng	2.120	2022-2024	3.473	3.157	316	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
13	Mở rộng làn đường Chùa Phnômpi qua đường Latina	Châu Lãng	2.600	2022-2024	1.547	1.406	141	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
14	Bê tông xi măng đường từ VP. áp Bằng Rò đến giáp áp Sà Lôn - Châu Lãng	Châu Lãng	1.300	2022-2024	1.081	983	98	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
15	Bê tông xi măng đường Sóc Túc - Lê Trì (đoạn còn lại)	Lê trì	2.300	2022-2024	4.762	4.329	433	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
16	Bê tông xi măng đường Sóc Đồng Tô thị trấn Ba Chúc	TT. Ba Chúc	2.300	2022-2024	2.686	2.442	244	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
17	Bê tông xi măng đường Dân sinh khu Gốm Sứ đường số 3	TT. Tri Tôn	145	2022-2024	745	677	68	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
18	Bê tông xi măng đường Dân sinh khu Gốm Sứ đường số 4	TT. Tri Tôn	242	2022-2024	840	764	76	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
19	Bê tông xi măng đường Dân sinh khu Gốm Sứ đường số 5	TT. Tri Tôn	175	2022-2024	642	584	58	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
20	Kéo hệ thống điện, nước Đồng Kênh 16	TT. Tri Tôn	750	2022-2024	594	540	54	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Trong đó:				
					Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12
21	Bê tông xi măng đường Tây Kênh 13, khóm Huệ Đức - Cô Tô	Cô Tô	3.300	2022-2024	2.972	2.702	270	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
22	Bê tông xi măng đường giữa chợ Cô Tô	Cô Tô	400	2022-2024	1.089	990	99	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
23	Bê tông xi măng đường Cống Ranh đến Kênh T6 - Lương An Trà (cập kênh Ranh AG -KG)	Lương An Trà	4.000	2022-2024	3.135	2.850	285	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
24	Bê tông xi măng đường bờ Tây kênh 10 xã Tân Tuyển	Tân Tuyển	2.300	2022-2024	1.920	1.745	175	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	
25	Bê tông xi măng đường Kênh 11 - Tà Đảnh (đoạn từ đường 941 đến Kênh 2)	Tà Đảnh	2.200	2022-2024	661	601	60	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện	